

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 12/2019/HC-GĐT
Ngày 12 tháng 7 năm 2019
V/v khiếu kiện Quyết định
giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Lan;

Các thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;
 - Ông Đặng Xuân Đào;
 - Ông Tống Anh Hào;
 - Ông Trần Văn Cò.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Phương Hữu Oanh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 124 (số cũ 43) đường T, Khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Văn C và bà Lê Thị G.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1964; chức vụ: Trưởng phòng Nội chính - Tiếp dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/8/1982, Ủy ban nhân dân tỉnh MH ban hành Quyết định số 139/QĐ.UB về việc chuyển giao toàn bộ diện tích khu vực Trường hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh để xây dựng Trường Trung học sư phạm tỉnh MH (sau này là Trường Trung học sư phạm B). Ngày 19/3/1985, Ủy ban xây dựng cơ bản tỉnh MH ban hành Công văn số 03/CV/QH có nội dung: Để đảm bảo công tác quản lý thống nhất xây dựng cơ bản, trong thời gian chờ đợi quyết định cấp đất mở rộng khu Trường sư phạm (gồm cả khu vực Trung tâm DC cũ), Ủy ban xây dựng cơ bản tỉnh thỏa thuận địa điểm nói trên và giao cho Trường có trách nhiệm quản lý toàn bộ khu vực đất DC cũ.

Ngày 30/3/1991, Trường Trung học Sư phạm MH ban hành Quyết định số 49/QĐ về việc tạm giao đất làm nhà và sản xuất cho ông Trần Văn C (là cán bộ nhân viên nhà trường) ô số 13, lô số 5 diện tích 594m² thuộc phần đất do Ủy ban nhân dân tỉnh MH tạm giao cho Trường. Năm 1999, ông C và vợ là bà Lê Thị G cho con là chị Trần Thị H một phần đất được tạm giao. Tổng diện tích đất chị H hiện đang sử dụng là 226,3m².

Ngày 16/8/2007, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 286/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng đường T mở rộng (đoạn từ đường LD đến công CX) thuộc Phường 1, thị xã B với nội dung: Thu hồi 75,9m² đất của hộ chị H.

Chị H khiếu nại Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 nêu trên. Ngày 13/4/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của chị H đã bác yêu cầu xin được bồi thường giá trị đất; giữ nguyên nội dung tinh thần Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã B với lý do đã bồi thường, hỗ trợ đúng quy định.

Ngày 22/12/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 572/QĐ-UBND có nội dung công bố mức tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung cho chị H theo mức hỗ trợ đất nông nghiệp đặc biệt là 80.000 đồng/m². Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 5.824.187 đồng.

Ngày 03/2/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của chị H đã bác đơn khiếu nại của chị H; giữ nguyên Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B; Hỗ trợ công tôn tạo san lấp mặt bằng cho hộ chị H với giá 80.000 đồng/m².

Ngày 10/5/2012, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 03/2/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cho rằng: Lý do không bồi thường đất cho chị H vì đó là phần đất Nhà nước giao cho Trường Trung học Sư phạm, Trường giao cho ông C là không đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 3 Điều 7, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì chị H không được bồi thường về đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2013/HC-ST ngày 04/4/2013, Tòa án nhân dân tỉnh B quyết định:

“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc đòi bồi thường giá trị diện tích đất 75,9m² và yêu cầu hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh B.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/4/2013, chị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 86/2015/HC-PT ngày 21/10/2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H quyết định:

“Bác kháng cáo của chị Trần Thị H và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc đòi bồi thường giá trị diện tích 75,9m² và yêu cầu hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 03/2/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.”

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 10/12/2015, chị Hằng có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngày 15/5/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định số 16/2019/KN-HC kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 86/2015/HC-PT ngày 21/10/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H theo thủ tục giám đốc thẩm; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 86/2015/ HC-PT ngày 21/10/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2013/HC-ST ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh B; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định số 49/QĐ ngày 30/3/1991 của Trường Trung học Sư phạm MH về việc tạm giao đất làm nhà và sản xuất cho ông Trần Văn C là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 Luật đất đai năm 1987. Tuy nhiên, Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết về đất đai quy định như sau: *“Đất được giao không*

đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 nhưng người đang sử dụng đất đã nộp tiền để sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện theo quy định sau: 1. Trường hợp sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì người đang sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích và loại đất được giao... ”.

[2] Điều II Quyết định số 49/QĐ ngày 30/3/1991 của Trường Trung học Sư phạm MH có nội dung yêu cầu ông C có trách nhiệm: “*Nộp lệ phí sử dụng đất theo quy định của Nhà nước (khoảng 193đ/m²). Trước mắt mỗi ô đất làm nhà đóng 10.000đ (Mười ngàn đồng), mỗi ô đất sản xuất (dưới 1.000m²) đóng 5.000đ (Năm ngàn đồng) để trường hợp đồng với Sở xây dựng về quy hoạch đất. Phòng hành chính hướng dẫn cụ thể việc thu chi nói trên*”. Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chưa làm rõ việc ông C có nộp tiền để sử dụng đất hay không là chưa đủ căn cứ để xác định quyền lợi của ông C.

[3] Sau khi được Trường Trung học sư phạm MH tạm giao đất năm 1991, ngày 11/5/1999 ông C có “Đơn xin dựng nhà” với nội dung: Ông xin xây dựng một căn nhà diện tích 16m² để cho con là chị Trần Thị H, có xác nhận của Ban nhân dân Khóm 7. Cùng ngày, ông C có “Đơn xin xây cất nhà cửa” có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 7. Ông C, bà G cũng có lời khai về việc tặng cho chị H nhà đất vào năm 1999, việc tặng cho chỉ làm giấy viết tay. Như vậy, việc ông C, bà G tặng cho chị H nhà đất là chưa hợp pháp. Hiện tại, phần đất ông C sử dụng có diện tích 227,3m², phần đất chị H sử dụng có diện tích 226,3m².

[4] Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định: “*1. Trường hợp thu hồi đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:*

a). Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này (các trường hợp do lấn chiếm, vi phạm quy hoạch) thì người đang sử dụng đất được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đối với phần đất vượt quá hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư...”

[5] Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chưa làm rõ ông C có nộp tiền sử dụng đất hay không để xác định ông C có được bồi thường về đất theo Điều 46 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ hay không. Trong trường hợp ông C không được bồi thường về đất theo Điều 46 thì cũng phải xem xét ông C có đủ điều kiện thì được bồi thường về đất theo khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Trường hợp ông C được bồi thường về đất, thì phần đất ông C tặng cho chị H nhưng chưa làm thủ tục

hợp pháp cũng phải được bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị H về hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trong khi chưa làm rõ các nội dung nêu trên là không đúng quy định của pháp luật.

[6] Ngoài ra, khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không thu thập các tài liệu về quá trình quản lý của các cơ quan quản lý tại địa phương đối với diện tích đất ông C được Trường Trung học Sư phạm MH tạm giao từ năm 1991 và đối với diện tích đất ông C tặng cho chị H là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[7] Bồi các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 266, khoản 2 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật tổ tụng hành chính 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Kháng nghị số 16/2019/KN-HC ngày 15/5/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 86/2015/HC-PT ngày 21/10/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H và Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2013/HC-ST ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh B; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Tp H;
- TAND tỉnh B (kèm HSVA);
- Cục THADS tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, Vụ GDKT 3 (2), VT, Ths.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Lan